

VAI NÉT VỀ CUỘC TÀN CƯ, DI CƯ NHÂN DÂN Ở BẮC BỘ TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1946-1947)

NGÔ HOÀNG NAM*

Trước và sau thời điểm bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc (19-12-1946) đã diễn ra một sự kiện quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến việc bảo toàn lực lượng để kháng chiến chống thực dân Pháp, đó là cuộc tàn cư, di cư nhân dân ở các tỉnh Bắc vĩ tuyến 16 ra khỏi vùng chiến sự hoặc các vùng chiến sự sẽ lan tới.

Tìm hiểu về cuộc tàn cư, di cư nhân dân ở Bắc Bộ trong năm đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, có thể tiếp cận và nghiên cứu ở nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau. Bài viết này chỉ tập trung làm rõ quá trình tàn cư nhân dân và việc hình thành, hoạt động của các trại di cư sản xuất ở những nơi có diễn ra hai hoạt động này.

1. Bối cảnh lịch sử và chủ trương của Đảng về tàn cư, di cư nhân dân

Đầu năm 1946, sau khi bình định Nam Bộ, Tây Nguyên và phần Nam Trung Bộ, thực dân Pháp đã tiến hành kéo quân ra Trung Bộ và Bắc Bộ, hòng đặt lại ách thống trị trên toàn bộ đất nước Việt Nam. Bằng kế hoạch “*đánh nhanh thắng nhanh*” với lực lượng đông, quân đội nhà nghề, vũ khí

tối tân, thực dân Pháp hy vọng sẽ nhanh chóng tiêu diệt chính quyền cách mạng, “*vô hiệu hóa tức thì Chính phủ Hồ Chí Minh*” (1).

Ngay sau khi đặt chân ra Bắc Bộ, quân đội Pháp lập tức gây ra những cuộc xung đột vũ trang, gây rối và có những hành động khiêu khích gây chiến. Ngày 20-11-1946, dựa vào cơ bất giữ những tàu buôn Trung Quốc, quân đội Pháp bắn vào quân đội Việt Nam ở Hải Phòng, chiếm các vị trí trọng yếu trong thành phố, nã pháo vào nhiều khu dân cư. Tiếp đó, ngày 25-11-1946, quân Pháp nổ súng bắn vào quân đội Việt Nam tại Thị xã Lạng Sơn. Trong lúc cuộc chiến đấu ở Hải Phòng và Lạng Sơn đang diễn ra thì chính giữa Thủ đô Hà Nội, quân đội Pháp đã liên tiếp gây ra nhiều vụ khiêu khích lớn. Ngày 1-12-1946, chúng ngăn cản các đơn vị bộ đội của ta đang làm nhiệm vụ, ném lựu đạn giữa đường phố, cho xe phóng bạt mạng trên các ngã đường, bắn vào các cơ quan công cộng và các trụ sở Việt Minh đang kiểm soát, đào hầm hố ở cầu Long Biên, cắt dây thép gai ở Tòa Thị chính và gây hấn ở các phố khác. Ngày 17-12-1946, quân đội Pháp gây ra vụ đổ máu ở

* Viện Sử học

phố Hàng Bún và tàn sát rất nhiều đồng bào, trong đó có cả các em thiếu nhi.

Sáng ngày 18-12-1946 tại Hà Nội quân Pháp đã huy động nhiều xe thiết giáp và binh lính đến chiếm đóng Sở Tài chính ở đường Cột Cờ. Bộ Chỉ huy quân đội Pháp còn ra lệnh cho máy bay thám thính trên không phận Hà Nội suốt ngày ở khu vực cầu Long Biên, cửa Đông và phố Yên Ninh,... đồng thời liên tiếp gây ra những cuộc xung đột với mật độ ngày càng dày đặc. Căng thẳng tại Hà Nội đẩy lên đỉnh điểm khi cùng ngày, tướng Pháp Morlière gửi thư cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với yêu sách đòi chiếm đóng Sở Tài chính, nhà viên Giám đốc, Sở Giao thông, đòi phá bỏ tất cả công sự, chướng ngại vật trên các đường phố để quân Pháp đảm nhiệm việc giữ trị an ở Hà Nội. Tối hậu thư ghi rõ: nếu phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không chấp thuận các yêu cầu của họ, thì chậm nhất là vào sáng sớm ngày 20-12-1946, họ sẽ hành động.

Trước âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn đất nước của thực dân Pháp, Chính phủ Việt Nam đã nhân nhượng ký với Pháp hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Tạm ước (14-9-1946). Điều đó đã nói lên ước vọng hòa bình, lập trường chính nghĩa của dân tộc Việt Nam, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ đồng tình ngày càng rộng rãi của nhân dân yêu chuộng hòa bình ở Pháp và nhân dân các nước trên thế giới, nhưng giới hiếu chiến Pháp đã bội ước những điều khoản đã ký, tiếp tục nổ súng tiến hành chiến tranh.

Đứng trước tình thế một cuộc chiến tranh bùng nổ trên cả nước là không thể tránh khỏi, Trung ương Đảng, Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhanh chóng tích cực chuẩn bị mọi mặt, chuyển đất nước vào chiến tranh. Cùng với

nhân dân cả nước, thực hiện chủ trương "mở tổng tấn công" (2) vào các vị trí quân Pháp đóng ở Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Vinh, Huế, Đà Nẵng... quân và dân Bắc Bộ đã tích cực tiến hành tản cư, di cư nhân dân, tổng di chuyển cơ quan, kho tàng, máy móc về vùng an toàn nhằm bảo toàn và phát triển lực lượng để kháng chiến lâu dài.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng có ý nghĩa quyết định của việc bảo toàn lực lượng, vai trò và tiềm lực cách mạng của nhân dân, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất chú trọng, quan tâm đến công tác tản cư, di cư dân nhân. Người nói: "*Tôi và Chính phủ không giờ phút nào không lo lắng đến các đồng bào*" (3). Để bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân, Trung ương Đảng và Chính phủ đã chủ động đưa nhân dân di sơ tán. Theo đó, các cụ già, trẻ em, người ốm đau, tàn tật đã sớm được tổ chức rời khỏi thành phố, thị xã về vùng nông thôn và lên căn cứ địa.

Về công tác tản cư, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "... mỗi kỳ, tỉnh, huyện, làng đều phải có ủy ban tản cư, các ủy ban này có nhiệm vụ liên hệ mật thiết với nhau để làm tốt công việc điều tra, nghiên cứu, xem xét tình hình nhân dân tản cư. Người còn ước tính số người tản cư mỗi tỉnh có thể thu nhận, những tỉnh có thể dung 2 vạn người: Hà Đông, Vĩnh Yên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam. Có thể dung 1 vạn người Nam Định, Sơn Tây, Cao Bằng, Thái Nguyên, Thái Bình. Có thể dung 5 ngàn: Phúc Yên, Tuyên Quang, Cao Bằng, Hoà Bình, Ninh Bình (Cộng cả hơn 210.000 người)" (4). Thực hiện chủ trương này, các địa phương phải có kế hoạch rõ ràng, để đón nhận số người tản cư, giúp đồng bào những lúc đi đường. Các tỉnh, huyện cần phải lập trạm ăn, nghỉ cũng như

hỗ trợ phương tiện để chở hàng hóa giúp đồng bào.

Nhằm giúp cho việc tản cư nhân dân có trật tự và thống nhất, ngày 27-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài: *Một vài ý kiến về các ủy ban kiến thiết, động viên dân chúng, tăng gia sản xuất, ủy ban tản cư* (5) nhằm chỉ đạo, động viên dân chúng, tăng gia sản xuất. Tiếp đó, ngày 31-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh số 5/SL về việc thành lập Ủy ban Trung ương tản cư và di cư (điều 1). Sắc lệnh quy định ngoài nhiệm vụ nghiên cứu kế hoạch tản cư, di cư, Ủy ban tản cư, di cư Trung ương sẽ nghiên cứu và đề nghị với các bộ kế hoạch tăng gia sản xuất và động viên nhân dân.

Người nói: “Ở tiền tuyến, chiến sĩ hy sinh xương máu để bảo vệ non sông. Ở hậu phương, toàn thể quốc dân hy sinh mồ hôi nước mắt để giúp việc kháng chiến. Các đồng bào tản cư cam chịu dinh linh cực khổ, chứ không chịu đội trời chung với quân thù. Tôi biết đồng bào trước lúc tản cư, giao hết lương thực cho bộ đội ta, cho khỏi lọt vào tay địch. Nhiều người tự đốt nhà mình, cho khỏi để quân địch dùng. Thế là đồng bào đã oanh liệt tham gia kháng chiến” (6). Để điều hành kịp thời và sát sao công việc tản cư, di cư ở Bắc Bộ, ngày 12-1-1947, Ủy ban tản cư, di cư Bắc Bộ được thành lập với ngân quỹ 30 triệu đồng.

Với sự quan tâm và chỉ đạo của Đảng và Chính phủ, đặc biệt là Chủ tịch Hồ Chí Minh công cuộc tản cư, di cư đã diễn ra rầm rộ, sôi nổi ở hầu hết các tỉnh thuộc Bắc Bộ. Trước ngày toàn quốc kháng chiến, công việc tản cư, di cư nhân dân được Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm, hướng dẫn, đẩy lên thành nhiệm vụ chính trong những công việc để chuyển đất nước vào thời chiến. Với tinh thần cảnh

giác cách mạng, trước âm mưu đánh úp của thực dân Pháp, từ cuối tháng 11-1946, các thành phố, thị xã lớn như Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng... nhân dân đã chủ động sơ tán ra khỏi vùng chiến sự.

2. Quá trình tiến hành tản cư, di cư nhân dân ở Bắc Bộ

Tản cư nhân dân

Thực hiện chủ trương tản cư, di cư của Đảng, công tác tản cư nhân dân diễn ra tại hầu hết các tỉnh ở Bắc Bộ, nhất là những thành phố, thị xã lớn, nơi chiến tranh có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Mỗi tỉnh, huyện đều đã thành lập ủy ban tản cư, di cư để hướng dẫn và giúp đỡ đồng bào. Những công việc chuẩn bị cho công tác tản cư được tiến hành, các trạm dừng chân được xây dựng trên dọc đường di chuyển, một số quán ăn giá rẻ được lập ra để phục vụ đồng bào, một số nơi đã chuẩn bị thành lập những trại di cư sản xuất để đón đồng bào tản cư. Với sự chuẩn bị chu đáo, tích cực đó, hàng chục vạn dân được ủy ban tản cư, di cư và chính quyền các địa phương hướng dẫn ra khỏi vùng chiến sự đang diễn ra.

Thủ đô Hà Nội là địa bàn quan trọng, nơi tập trung các cơ quan đầu não kháng chiến, nguy cơ bùng nổ chiến tranh toàn thành phố có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Vì thế, để bảo đảm tính mạng cho nhân dân, lãnh đạo thành phố đã sớm hình thành kế hoạch tản cư. Trước khi chiến sự nổ ra nhân dân ở Hà Nội đã di chuyển đến những nơi an toàn như: Canh, Phùng, Hà Đông, Chương Mỹ... Được sự che chở, bảo vệ của bộ đội, dân quân, tự vệ thành, đặc biệt là sự giúp đỡ của Ủy ban tản cư, di cư Trung ương cuộc tản cư nhân dân từ Hà Nội ra vùng ngoại thành đã diễn ra an toàn. Tính chung trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, Ủy ban tản cư, di cư Hà Nội đã tổ chức cho khoảng 6.000

đồng bào và hàng nghìn ngoại kiều phần lớn là người Hoa tản cư.

Tỉnh Hà Đông là nơi có địa thế đặc biệt, giáp ranh Thủ đô Hà Nội, khi cả nước bước vào kháng chiến, tỉnh là vùng tự do nên nhân dân các địa phương xung quanh đã tản cư đến rất đông, khoảng 15 vạn người. Trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, tỉnh Hà Đông đã tiếp đón không chỉ đồng bào nội và ngoại thành Hà Nội, mà còn đón cả đồng bào các tỉnh miền xuôi từ Nam Định, Phủ Lý... tản cư lên. Tuy trước đó Ủy ban tản cư, di cư tỉnh Hà Đông đã chỉ định sẵn cho dân chúng biết địa phương nào phải chuẩn bị sẵn sàng, khi tản cư phải làm những gì, tiến và của phải cất dấu ra sao, nơi nào nên đến để tránh quân giặc. Nhưng do chưa có kinh nghiệm nên khi mới bắt đầu khởi chiến, ủy ban tản cư, di cư của tỉnh, huyện và rất nhiều xã đã phải căng sức giúp đỡ đồng bào tản cư từ các nơi khác đến.

Hà Đông thời kỳ này tạm chia thành hai khu vực, khu tản cư và khu an toàn. Huyện Chương Mỹ và Mỹ Đức được chọn làm an toàn khu và có nhiệm vụ tiếp đón đồng bào không thể tự túc tản cư lên Việt Bắc. Đến tháng 2-1947, trên các ngã đường chính của tỉnh Hà Đông đều xây dựng các trạm nghỉ chân để đưa đồng bào đến các quán tạm trú. Ở các nơi khác, khi đã quen với công tác tản cư nên mỗi khi quân đội Pháp đến cần quét, dân chúng địa phương tự động tản cư vào các vùng an toàn theo kế hoạch sẵn có của ủy ban tản cư, di cư tỉnh. Sang tháng 3-1947, quân đội Pháp mở rộng đánh phá ra các tỉnh Bắc Bộ, Hà Đông là địa bàn quân Pháp thường xuyên tiến hành càn quét, bắt bớ và cướp bóc. Trước tình hình đó, Ủy ban tản cư, di cư Trung ương nhận định Hà Đông không phải là nơi đón tiếp nhân dân tản cư tới mà cần gấp rút

tản cư đi. Thực hiện chủ trương đó, Ủy ban tản cư, di cư Bắc Bộ đã tổ chức đưa 20.000 người từ hai trại Chương Mỹ, Đan Phượng và 3.000 người (7) từ Mỹ Đức lên Việt Bắc.

Tỉnh Thái Nguyên được coi là hậu phương an toàn với an toàn khu Định Hóa - thủ đô của kháng chiến, nên đồng bào miền xuôi tản cư lên rất đông, tính đến tháng 2-1947, tỉnh Thái Nguyên đã tiếp nhận 12.000 đồng bào tản cư từ các tỉnh khác đến. Các tỉnh khác ở chiến khu Việt Bắc đã tiếp nhận gần 63.000 (8) đồng bào tản cư từ các nơi về.

Trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, hai tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Yên đã đón tiếp trên 20 cơ quan, đoàn thể của Trung ương và trên 60.000 đồng bào từ Hà Nội, Hải Phòng và các nơi khác tản cư đến (9). Phúc Yên là địa bàn quân đội hai bên (Việt Nam - Pháp) đóng xen kẽ, vùng quân đội Pháp kiểm soát chỉ cách vùng an toàn của tỉnh Phúc Yên bằng những con sông nhỏ, hẹp. Nên, mỗi khi quân Pháp đi càn quét thì nhân dân tản cư qua sông sang vùng an toàn, khi quân Pháp rút nhân dân lại trở về làm ăn bình thường để bám đất.

Ở Thành phố Nam Định, trong khi các cuộc chiến đấu đang diễn ra ác liệt trong nội thành, Ban chỉ huy Mặt trận Nam Định và chính quyền các địa phương cũng đã kịp tổ chức đưa khoảng 50.000 đến 60.000 (10) dân từ thành phố về các vùng nông thôn.

Thành phố Hải Phòng là một trong những nơi thực dân Pháp nổ súng gây hấn, đánh phá đầu tiên ở Bắc Bộ, khi nguy cơ chiến tranh lan rộng ngày 20-11-1946 đồng bào Hải Phòng đã tản cư sang Kiến An. Tuy gấp gáp nhưng Ủy ban bảo vệ tại Kiến An đã thu xếp chỗ ăn, ngủ cho đồng bào không có họ hàng hay người quen biết,

người Hoa cũng nhận được sự giúp đỡ và bảo vệ tài sản. Ngày 21-12-1946, chiến sự lan rộng sang địa bàn Kiến An, đồng bào từ Hải Phòng và Kiến An đã tản cư sang An Dương, An Lão, Kiến Thụy lại phải tản cư đi Tiên Lãng, Vĩnh Bảo và Thái Bình. Kết thúc đợt tản cư, di cư này, tỉnh Kiến An đã tổ chức được 4 đoàn di cư, đoàn thứ nhất di cư được 323 người, đoàn thứ hai 588 người, đoàn thứ ba 768 người, đoàn thứ tư 692 người. Tổng cộng trong 4 lần di cư, tỉnh Kiến An đã di cư được 2371 người (11).

Khác với Hà Nội, Nam Định và Hải Phòng, Ninh Bình từ khi chiến sự nổ ra là vùng tương đối an toàn chưa xảy ra chiến tranh, nên rất đông đồng bào ở Nam Định, Hải Dương, Hà Nội tản cư đến. Tỉnh Ninh Bình đã tiếp nhận 5000 (12) đồng bào ở Hải Phòng, Kiến An, tại đây đồng bào tản cư đến đã được đón tiếp tử tế. Tính đến đầu năm 1947, vùng Phát Diệm đã đón tiếp 30.000 dân tản cư, ủy ban tản cư, di cư tỉnh đã tổ chức xây dựng khoảng gần 100 căn nhà lá ở chợ Nam Dân, Phát Diệm và ở giữa quảng đường từ Đông Quan vào Khu IV (13).

Tỉnh Hòa Bình là nơi an toàn nên Ủy ban tản cư, di cư tỉnh chủ yếu làm công tác đón đồng bào từ miền xuôi tản cư lên bàn, buôn ở Thị xã Hòa Bình. Đồng bào miền núi tỉnh Hòa Bình khi có chiến sự lan tới đã tản cư vào rừng, nhưng do không hợp thủy thổ nhiều người bị ốm đã phải về nơi cũ.

Theo chủ trương của Đảng, những người không có nhiệm vụ ở lại chiến đấu và phục vụ chiến đấu thì di tản cư để đảm bảo an toàn. Đối tượng chính phải tản cư là đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động, phụ nữ, người già, người tàn tật và trẻ em, nhưng với lòng yêu nước, quyết tâm đóng góp, hy sinh cho sự nghiệp cứu nước, đông đảo nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ cũng tìm

đường lên chiến khu tham gia kháng chiến. Trong số đó có nhiều người nổi tiếng như cụ Bùi Bằng Đoàn - Trưởng ban Thường trực Quốc hội; Phan Kế Toại - nguyên Khâm sai đại thần của triều đình nhà Nguyễn, hay Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Văn Huyền, Tôn Thất Tùng, Trần Hữu Tước, Hồ Đắc Di, Linh mục Phạm Bá Trực, Hòa thượng Thích Trí Độ, Nhạc sĩ Văn Cao, Nhà văn Nguyễn Tuân...

Thực hiện Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Bộ Nội vụ: "*Vô luận thế nào các ủy ban Hành chính không được để dân bơ vơ*" (14), chính quyền các cấp đã khẩn trương tiến hành giúp đỡ các đồng bào tản cư. Các cấp bộ Đảng, chính quyền đã nhanh chóng triển khai các biện pháp tiếp nhận đồng bào tản cư, phân chia khu vực định cư, ổn định cuộc sống. Nhiệm vụ của từng cấp chính quyền cũng được phân chia cụ thể. "*Cấp xã: Tìm chỗ ở cho đồng bào, thành lập với các đoàn thể, Ban Ủy lao để chia sự vui buồn cùng đồng bào. Những đồng bào có hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn được ủng hộ thóc, gạo, củi và được giúp đỡ trong việc làm ăn buôn bán tại những nơi mới đến. Tổ chức những bữa ăn tập đoàn, hoặc tiệc trà thân thiện trong những ngày lễ lớn (Tết Nguyên đán, Tết Độc lập). Ngoài những trạm nghỉ ra, hầu hết các thôn đều có sẵn một vài ngôi nhà để đón tiếp đồng bào khi di qua. Cấp huyện: Trợ cấp cho những đồng bào di qua, giải quyết những xích mích giữa đồng bào địa phương và đồng bào tản cư. Thành lập ban kiểm soát vệ sinh, tới các thôn để đôn đốc thi hành vệ sinh, san sẻ những nơi đông đồng bào tản cư đến những nơi vắng. Cấp tỉnh: Trợ cấp cho những gia đình đông đúc, túng thiếu, cấp vốn cho buôn bán, liên lạc với các đoàn thể để thành lập những Ủy ban ủy lao giải quyết những sự xích mích quan trọng. Bán các hàng mua được của Ty*

kinh tế với giá vốn, phát không hoặc bán rẻ chiếu cho những đồng bào nghèo hoặc túng thiếu" (15).

Di cư sản xuất

Di cư sản xuất là bộ phận quan trọng của cuộc tản cư, di cư lần này, đây là công việc vừa đảm bảo an toàn tính mạng cho nhân dân, vừa giúp nhân dân tự sản xuất lương thực, thực phẩm nuôi sống gia đình và đóng góp cho kháng chiến. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược diễn ra trong điều kiện đất nước vẫn là thuộc địa nửa phong kiến với một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, kém phát triển. Nhiệm vụ chính của dân tộc trước mắt là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân. Trong Chỉ thị *Công việc khẩn cấp bây giờ*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "muốn kháng chiến thắng lợi cần: Tổ chức du kích khắp nơi. Tăng gia sản xuất khắp nơi. Dù phải rút khỏi các thành phố, ta cũng không cần, ta sẽ giữ tất cả thôn quê" (16).

Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* đề ra "*Chương trình kháng chiến*" gồm 12 điều, trong đó nhiệm vụ về kinh tế chỉ rõ: "*Tăng gia sản xuất, thực hiện kinh tế tự túc*" (17). Vì thế, công việc tản cư, di cư bên cạnh việc sơ tán để bảo vệ tính mạng, tài sản của đồng bào là nhiệm vụ di cư sản xuất vừa bảo toàn được tính mạng vừa đảm bảo sản xuất, tự túc kinh tế.

Sắc lệnh số 05/SL năm 1946, tại điều 6 nêu rõ: "Ngoài nhiệm vụ nghiên cứu kế hoạch tản cư và di cư, Ủy ban Trung ương sẽ nghiên cứu và đề nghị với các Bộ sở quan những kế hoạch tăng gia sản xuất và động viên nhân dân" (18). Cùng với đó, để đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm cho quân đội và nhân dân, trong khi nền kinh tế của cách mạng đang cạn kiệt, Chủ tịch Hồ Chí

Minh đã ra chủ trương "*không để một tấc đất hoang*", đồng thời đưa ra khẩu hiệu "*Tiến phương ra sức chiến đấu, Hậu phương tăng gia sản xuất*" (19). Người yêu cầu: "... đồng bào tản cư cũng phải tăng gia sản xuất, nay rời vào hậu phương, các đồng bào mỗi người phải làm một việc, không nên một ai ăn rồi ngồi không. Các anh em trí thức thì đem học vấn của mình giúp vào việc văn hóa ở thôn quê, ra sức tuyên truyền việc kháng chiến. Hoặc giúp sức vào binh dân học vụ, chớ bỏ tài học của mình. Còn đồng bào có vốn thì nên tổ chức các công nghệ nhỏ" (20).

Thực hiện chủ trương "... *đồng bào ai làm nghề gì, trong lúc tản cư cứ làm nghề ấy. Ai cũng ra sức tăng gia sản xuất*" (21), hưởng ứng phong trào tăng gia sản xuất, ở hầu hết các tỉnh Bắc Bộ đã thành lập các trại di cư sản xuất, trại tiểu công nghệ, một số địa phương đã thành lập được các trại cứu tế, trại thiếu nhi để giúp đỡ đồng bào tản cư. Nhằm giúp các trại di cư sản xuất đi vào hoạt động ngay, Ủy ban tản cư, di cư Trung ương đã trích phần quỹ tản cư, di cư Trung ương cho những tỉnh có các trại di cư sản xuất làm vốn, mở các ngành nghề sản xuất.

Các trại di cư sản xuất đặt dưới sự quản lý của *Phòng di cư sản xuất Trung ương*. Trưởng phòng thời kỳ này là đồng chí Nguyễn Duy Tĩnh, cùng tham gia công tác chỉ đạo việc di cư sản xuất có đồng chí Lê Đức Tiến - Bí thư và đồng chí Đinh Đường Lương - Thư ký (22).

Về vấn đề di cư sản xuất, theo chủ trương của Đảng, mỗi tỉnh, huyện tùy theo điều kiện, phải thành lập những trại di cư sản xuất, trại tiểu công nghệ để thu nạp trại viên vào tham gia sản xuất, học nghề để làm ăn. Những địa phương nào có điều kiện thành lập thêm trại cứu tế và trại

thiếu nhi để đảm bảo việc làm, chăm sóc sức khỏe, y tế và việc học hành.

Tỉnh Hà Đông đã thành lập các trại di cư sản xuất để giúp đỡ đồng bào tản cư. Huyện Thường Tín thành lập được 4 trại sản xuất gồm: Kiên Giang, Hưng Hiến, Minh Đức, Yên Cốc. Ủy ban tản cư, di cư tỉnh đã chi 3.283.330 đồng và 253 tạ thóc cho các trại di cư sản xuất, trong đó huyện Phú Xuyên 1.859.070 đồng, 72 tạ thóc; huyện Ứng Hòa 7.012.00 đồng, 261 tạ thóc; huyện Mỹ Đức 14.000.00 đồng, 136 tạ thóc (23).

Tỉnh Hà Đông đã tổ chức và gây quỹ tản cư để Ủy ban tản cư, di cư tỉnh hoạt động. Quỹ tiền, Ủy ban tản cư, di cư Bắc Bộ trợ cấp 10.000.000 đồng, tiền thu trả lại 357.00 đồng, tiền ủng hộ 200.00 đồng, sáp nhập ngân quỹ huyện Ứng Hòa 4.105.057 đồng. Với số tiền đó ủy ban tản cư, di cư tỉnh đã trợ cấp cho các ủy ban tản cư huyện và các trại di cư sản xuất 99.967 đồng, quỹ còn đọng lại 5.090 đồng (24). Quỹ thóc, theo chỉ phí của Chính phủ, mỗi mẫu ruộng nhân dân phải nộp 5kg, số thóc thu không được thu dư, vì có nơi nộp tiền nơi không nộp được xin miễn vì đói kém. Ủy ban tản cư, di cư tỉnh Hà Đông trợ cấp cho các trại 5.200 kg. Về quỹ thóc tản cư, huyện Phú Xuyên có 256 tạ, huyện Mỹ Đức có 551 tạ, huyện Ứng Hòa có 532 tạ, số thóc đó được mang sang Thường Tín 398 tạ, Chương Mỹ 218 tạ (25). Với số thóc thu được đó, ủy ban các huyện đã chi dùng giúp đỡ đồng bào tản cư và tiếp tế cho các trại sản xuất.

Tỉnh Nam Định, việc tiến hành tản cư và triển khai công tác di cư sản xuất được tiến hành sớm. Ủy ban tản cư, di cư Trung ương cấp cho Ủy ban tản cư, di cư tỉnh 54.153.800 đồng (26), với nguồn ngân quỹ này ủy ban tản cư, di cư tỉnh đã tổ chức thành lập được 4 trại sản xuất gồm: xưởng

kéo sợi Phường Dê (Trực Ninh), xưởng đan rổ Thượng Nông (Nam Trực), trại Hải An (Thịnh Long), trại nuôi Xuân Thủy (Hải Hậu) (27).

Tại Ninh Bình, công tác thành lập trại sản xuất cũng được chú ý, ngay sau khi toàn quốc kháng chiến tỉnh đã thành lập được hai trại tản cư lớn và các trại tản cư nhỏ. Huyện Yên Khánh, đã tổ chức được 4 trại sản xuất là: Duyên Nâu, Quyết Chung, Phúc Lương và Sinh Dược, các trại sản xuất đều nhận được sự trợ cấp tài chính từ Ủy ban tản cư, di cư Trung ương. Các hộ gia đình tại đây, cũng đã nhận nuôi và giúp đỡ các gia đình tản cư, trong đợt này xã Duyên Nâu nhận nuôi 10 gia đình, gần 50 người, xã Quyết Chung, Đông Phù, Cống Thụy nhận giúp đỡ 300 đồng bào tản cư (28).

Ủy ban tản cư, di cư tỉnh Hà Nam và các huyện được thành lập từ tháng 5-1947. Ủy ban tản cư, di cư Trung ương cấp cho Hà Nam 30 vạn (29), với số quỹ đó tỉnh thành lập ba trại tiểu công nghệ tại Khuyến Công (Kim Bảng), Ngọc Động (Duy Tiên) và Trà Châu (Thanh Liêm). Trại viên chủ yếu làm và học nghề kéo bông sợi, mỗi trại viên được cấp 3 đồng một ngày để làm việc. Sau một thời gian thực hiện, do việc sản xuất bị lỗ vốn, hai trại Ngọc Động và Trà Châu phải giải tán, 250 trại viên phân tán, chỉ còn duy trì trại Khuyến Công với 200 trại viên. Đến tháng 8-1947, Hà Nam thành lập thêm hai trại di cư sản xuất ở Cốc Thôn (Kim Bảng) và Bồng Tạng (Thanh Liêm). Trại viên chủ yếu làm nông nghiệp, lấy trồng trọt và chăn nuôi là hoạt động sản xuất chính, mỗi trại viên được cấp 15 đồng và 700g gạo mỗi ngày. Sau một thời gian hoạt động, hai trại này đều bị giải tán vì nước độc và thiếu tiền.

Tại Hưng Yên, ủy ban tản cư, di cư tỉnh

đã chỉ đạo thành lập hai trại sản xuất và một trại cứu tế, các trại này đã tiếp nhận 206 trại viên bao gồm: 140 trại viên sản xuất, 80 trại viên cứu tế, 50 thiếu nhi dưới 10 tuổi (30). Trong các trại di cư sản xuất, trại tiểu công nghệ, trại viên chủ yếu làm nghề dệt chiếu, dệt bao tải, dệt vải, đan len, đan sợi, đan rổ rá và đồ dùng bằng tre. Ngoài ra, các trại viên còn chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà.

Ủy ban tản cư, di cư tỉnh Hải Dương đã tổ chức được 6 trại gồm các trại di cư nông nghiệp, trại tiểu công nghệ và trại cứu tế. Do chiến sự lan rộng ba trại phải phân tán vào các vùng an toàn của huyện nên chỉ còn ba trại, trại tiểu công nghệ ở Đồ Nghĩa (Ninh Giang), trại nông nghiệp ở Bình Cách (Cẩm Giàng) và trại thiếu nhi cứu tế ở huyện Vĩnh Bảo. Trong đó, hai trại Đồ Nghĩa và Bình Cách đã tự túc hoạt động sản xuất, trại Vĩnh Bảo do không được đầu tư và hoạt động không hiệu quả nên phải phân tán.

Ở tỉnh Thái Bình, từ khi việc di cư đi Đông Triều và Thái Nguyên ngưng trệ, các phủ huyện tự động lập các trại di cư sản xuất. Trong thời gian này, tỉnh thành lập được trại Duyên Hà, trại Cao Mỗ (Tiền Hưng), trại Tân Bôi (Tiền Hải) và trại Duyên Trang (Đông Hưng), số trại viên trong các trại này từ 50 đến 70 người (31). Về hoạt động sản xuất, bên cạnh hoạt động sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, một số trại viên đã tự túc mở rộng chăn nuôi vịt, lợn và làm thêm các nghề thủ công như đan rổ, rá, dệt chiếu. Đối với những người tàn tật, đi ăn xin, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh tập trung vào các trại tế bần, trại cứu tế để giúp đỡ họ.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, ủy ban tản cư, di cư các cấp đã tổ chức giúp đỡ

hàng chục vạn người rời khỏi vùng chiến sự để đến những vùng an toàn. Với sự giúp đỡ của ủy ban tản cư, di cư, chính quyền và nhân dân các địa phương, đồng bào tản cư đến nơi mới đã nhanh chóng ổn định cuộc sống, tích cực tham gia sản xuất và kháng chiến.

Trên thực tế công tác tản cư đã diễn ra thuận lợi, đồng bào tản cư tham gia tích cực vào sự nghiệp kháng chiến kiến quốc. *Báo Cứu Quốc* số ra ngày 4-12-1946 đã phản ánh tình hình này như sau: "... các nhà tản cư khác cũng mỗi người một việc, chẳng ai ăn không ngồi rồi. Mấy hôm trước mới tản cư về, làng nước có vẻ xôn xao, chủ còn ra lối lạ lẫm, khách thì áy náy bữa nay lo bữa sau. Nhưng bây giờ đã khác, ai cũng có việc làm, ai cũng lo tăng gia sản xuất, không băn khoăn nổi phải để bận tâm đến bà con trong làng vì ai cũng an cư lạc nghiệp..." (32).

3. Nhận xét

1. Tiến hành tản cư, di cư nhân dân Bắc Bộ về vùng an toàn là một thắng lợi, một bài học kinh nghiệm lớn, có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo toàn lực lượng để kháng chiến lâu dài.

Phải khẳng định rằng, nhờ chủ động tản cư, di cư nhân dân - những người không trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu ra khỏi vùng chiến sự hay các vùng chiến sự sắp lan tới đã góp phần to lớn vào thắng lợi trong năm đầu toàn quốc kháng chiến. Thành quả của công tác tản cư, di cư nhân dân góp phần bảo toàn được nhân lực, vật lực cho cuộc kháng chiến trường kỳ. Chứng minh tư tưởng "*lấy dân làm gốc*" của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một giá trị trường tồn. Hơn nữa, cuộc tản cư, di cư nhân dân được tiến hành một cách chủ động, kịp thời góp phần phá tan kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh", âm mưu "đùng người Việt trị người

Việt", "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của thực dân Pháp.

Hàng ngàn người tại những đô thị thuộc các tỉnh Bắc Bộ đã về các vùng ngoại thành và những nơi an toàn. Những người tản cư đã được chính quyền và đồng bào sở tại giúp đỡ, cứu mạng, tạo công ăn việc làm, góp phần hạn chế những tổn thất mất mát. Mặt khác, do dân chúng đã triệt để tản cư ra khỏi đô thị nên nhiệm vụ tiêu thổ kháng chiến và phá hoại được tiến hành thuận lợi.

Cùng với cuộc tản cư nhân dân, việc di cư sản xuất cũng được tiến hành thành công và đạt kết quả. Hầu hết các tỉnh Bắc Bộ, nơi có đồng bào tản cư đến đã thành lập các trại sản xuất, trại tiểu công nghệ để đón tiếp, thu nhận đồng bào, giúp đỡ, đào tạo công ăn việc làm, tăng gia sản xuất làm phục vụ kháng chiến. *"Tình chung tại Bắc Bộ và Trung Bộ các địa phương đã thành lập được 500 trại sản xuất, tạo công ăn việc làm cho khoảng 70.000 đồng bào tản cư"* (33), đây là một con số không nhỏ.

2. Cuộc tản cư, di cư ở Bắc Bộ thành công, là do được sự quan tâm, lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, chính quyền các cấp, Ủy ban hành chính, Ủy ban tản cư, di cư các kỳ, tỉnh, huyện và đặc biệt là sự giúp đỡ của đồng bào sở tại. Chủ tịch Hồ Chí Minh giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc chỉ đạo, hướng dẫn cuộc tản cư, di cư nhân dân ở Bắc Bộ về các vùng an toàn. Người không chỉ đề ra những chủ trương mà còn trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn và thường xuyên động viên đồng bào tản cư, di cư. Nhờ đó mà việc tản cư, di cư không chỉ diễn ra thành công mà còn khơi dậy truyền thống đoàn kết, lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ.

3. Cuộc tản cư, di cư nhân dân ở Bắc Bộ trong năm đầu toàn quốc kháng chiến thực sự là một cuộc chiến đấu gay go và gian

khổ của đồng bào tản cư.

Hầu hết những người tham gia tản cư, di cư đều có tâm lý hoang mang cùng với nỗi nhớ nhung quê nhà, phải sơ tán trong hoàn cảnh chiến tranh thường xuyên diễn ra phương tiện vận chuyển không có, hành lý, tư trang thì cồng kềnh, lại phải di chuyển trên những đoạn đường xa. Những lúc chiến sự chưa xảy ra công việc tản cư, di cư đã vất vả, những khi xảy ra chiến sự dồn dập, ủy ban tản cư, di cư chưa kịp triển khai, nhân dân phải chạy loạn gặp nhiều khó khăn.

Hơn thế, khi đến nơi tản cư vì số lượng đông, lại phân bố không đều nên nơi ăn, chốn ở, việc làm, công tác giáo dục, y tế, thuốc men đều thiếu thốn, khó khăn. Điều đó làm cho cuộc sống của đồng bào tản cư sút kém, ảnh hưởng đến đời sống của đồng bào sở tại. Bên cạnh đó, công tác tản cư, di cư còn bị các thế lực thù địch phản động, quấy phá và dụ dỗ. *"Các báo cáo phản động, cả Việt gian lẫn thực dân, đang nắm lấy tình trạng khó giải quyết trong các trại di cư để phản tuyên truyền không ngớt. Đối với đồng bào phải trở về, chúng ra sức lôi kéo, phỉnh phờ để theo dõi..."* (34).

4. Công tác tản cư, di cư nhân dân ở Bắc Bộ còn tồn tại những hạn chế do sự chủ quan và điều kiện khách quan đem lại. Trong việc tản cư nhân dân, một phần Ủy ban tản cư hoạt động kém hiệu quả, phần nhiều là chưa có kinh nghiệm. Thời gian đầu, vì chưa có sự chuẩn bị chu đáo, cũng như nhân dân chưa nắm được chủ trương của Đảng, nên việc tản cư diễn ra rất khó khăn, lộn xộn, xuất hiện tâm lý sống tạm bợ, dăm bữa nửa tháng rồi lại trở về quê cũ.

Bên cạnh đó, kế hoạch tản cư về các địa phương cũng không đúng với mật độ và địa bàn, có những vùng đất rộng an toàn không tản cư về, mà tản cư đến những nơi gần

mặt trận, vùng quân sự bí mật.

Về vấn đề di cư sản xuất cũng tồn tại những hạn chế, đó là do tâm lý chủ quan, nóng vội trong việc lập trại di cư sản xuất, quá tập trung đầu tư phô trương vào một vài trại sản xuất, phân bổ ngân quỹ không đều, nên xảy ra tình trạng có trại không đủ tiền để hoạt động. Hoạt động của các trại di cư sản xuất tổ chức không tốt, chưa được chú trọng đầu tư, chưa thu hút được đồng trại viên và nhân dân tham gia, làm cho phong trào di cư sản xuất gặp nhiều khó khăn. Những người phụ trách các trại di cư sản xuất, tiểu công nghệ không có kế hoạch sản xuất sát với thực tế và năng lực của trại viên, chưa có sự phối hợp giữa các trại tiểu công nghệ và trại sản xuất nông nghiệp trong việc hợp tác sản xuất. Một số trại tiểu công nghệ được mở với ý tưởng làm việc như những xưởng lớn nên không hợp với các trại tiểu công nghệ di cư với kiểu làm ăn nhỏ, hẹp.

Hơn nữa, do không nắm sát thực tế, chủ quan, khi thi hành không có kế hoạch, đời sống của đồng bào trung du, hay miền ngược gặp nhiều khó khăn. "*Một phần lớn các trại sản xuất di cư hay tạm trú ở vùng trung du hay mạn ngược đã tự động về xuôi, vừa để tránh nước độc vừa để gặt lúa, vừa vì sắp cạn lương vốn, không có kế hoạch sinh nhai... Họ mang theo nỗi thất vọng, oán Chính phủ ta "đem con bỏ chợ" và phản*

tuyên truyền ta. Những người ở lại, thì ăn đói (suất gạo bị giảm, sốt rét không có thuốc, không có thầy chữa, sản xuất cấm chia, chưa có ăn, hoặc chỉ có rất ít, không đủ tự cấp, tự túc, có chỗ thiếu nông cụ, thiếu trâu bò, thiếu hạt giống..." (35), điều này đã gây nhiều khó khăn cho cách mạng trong những ngày đầu kháng chiến.

Về mặt khách quan, bởi đây là một cuộc tản cư, di cư của cả vùng Bắc Bộ chứ không phải diễn ra ở một tỉnh riêng lẻ, vì thế, các cuộc tản cư, di cư phải tiến hành khẩn trương, bí mật, nhưng cũng hết sức nhịp nhàng giữa nơi đi và nơi đến, để tránh quân Pháp phát hiện. Hơn nữa, trong điều kiện kinh tế đất nước khó khăn, sự non yếu về kinh nghiệm, sự điều hành quản lý thì những hạn chế trên là không thể tránh khỏi.

Hơn 60 năm sau, nghiên cứu vấn đề tản cư, di cư, đặt nó trong hoàn cảnh đất nước thời bấy giờ, xét thấy đây đúng là một kỳ tích của dân tộc, chủ trương đúng đắn của Đảng trong việc bảo vệ sức dân, thấm nhuần tư tưởng "*cách mạng là sự nghiệp của quần chúng*". Ngày nay, trong công cuộc đổi mới toàn diện và triệt để, Đảng và Chính phủ cần phát huy tư tưởng "*lấy dân làm gốc*" mà cuộc tản cư, di cư nhân dân ở Bắc Bộ trong năm đầu toàn quốc kháng chiến đã minh chứng.

CHÚ THÍCH

(1). Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, Tập 2, Toàn quốc kháng chiến, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2005, tr. 10.

(2). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện quân sự của Đảng*, Tập 2, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1976, tr. 105.

(3), (6). *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 5, Nxb. Chính

trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 49.

(4), (5). *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 491- 495.

(7). *Báo cáo thành tích 18 tháng kháng chiến từ tháng 2/1946 - 5/1948 của tỉnh Hà Đông*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 3, Hồ sơ 96, tr. 29.

(8) *Thái Nguyên - Lịch sử đấu tranh vũ trang cách mạng và kháng chiến chống Pháp (1941-1954)*. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên xuất bản, 1999, tr.160.

(9). Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954*, Tập 2, sdd, tr. 89.

(10). *Hà Nam Ninh lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954*, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam Ninh, 1986, tr. 90.

(11), (12). *Báo cáo 16 tháng kháng chiến (19/12/1946 - 4/1948) của UBHCKC tỉnh Hải Kiến*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ 99, tr.23.

(13). *Báo cáo thành tích 18 tháng kháng chiến từ tháng 2/1946 - 5/1948 của Liên Khu III*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ 92, tr.87.

(14), (20), (21). *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 5, sdd, tr. 90, 49, 49.

(15). *Báo cáo 16 tháng kháng chiến 12/1946 - 5/1948 của ủy ban kháng chiến hành chính Liên tỉnh Hưng Yên*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ 101, tr. 43.

(16), (18), (19). *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 4, sdd, tr. 433-434, 491-495, 495.

(17). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 8 (1945-1947), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.162.

(22). *Hồ sơ Hội nghị tấn cư di cư miền Bắc Việt Nam từ 14 - 16/ 9/1948*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ 677.

(23), (24), (25). *Báo cáo thành tích 18 tháng kháng chiến từ tháng 2/1946 - 5/1948 của tỉnh Hà Đông*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ 96, tr. 29.

(26). *Báo cáo 16 tháng kháng chiến (19/12/1946 - 4/1948) của UBHCKC tỉnh Nam Định*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ 102, tr. 34.

(27), (28), (29). *Báo cáo thành tích 18 tháng kháng chiến từ tháng 2/1946 - 5/1948 của Liên Khu III*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ 92, tr. 86, 87.

(30), (31). *Báo cáo thành tích 18 tháng kháng chiến từ tháng 2/1946 - 5/1948 của Liên Khu III*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ 92, tr. 5.

(32). *Báo Cứu Quốc*, số 425, ngày 4-12-1946.

(33). *Việt Bắc 30 năm chiến tranh cách mạng 1945-1954*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1990, tr. 83.

(34), (35). Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 8 (1945-1947), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000. tr. 243, 243.